

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HNGĐ-ST

Ngày 13-4-2018

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Hà Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hưng.

Ông Nguyễn Phi Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Ngân, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Mỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 06/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2017 về việc ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 5 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị Kim A; cư trú tại: Phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Mạnh N; cư trú tại: Baltimore, MD 21228, USA (Hoa Kỳ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Phan Thị Kim A, trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Thông qua người quen giới thiệu, nên bà và ông Nguyễn Mạnh N liên lạc để tìm hiểu và sau đó tự nguyện tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn theo pháp luật Việt Nam; được Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng, cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 13 tháng 3 năm 2008. Sau khi kết hôn được thời gian ngắn thì ông N trở về Hoa Kỳ và hứa hẹn sẽ làm thủ tục bảo lãnh cho bà qua đoàn tụ với ông. Đến năm 2010, ông N về lại Việt Nam nhưng lại quen và có tình cảm với người khác và đã chủ động cắt đứt hoàn toàn liên lạc với bà. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông N.

- Về con: Bà xác định là bà và ông Nguyễn Mạnh N không có con chung.

- Về tài sản chung; nợ chung: Bà xác định là bà và ông Nguyễn Mạnh N không có tài sản chung, cũng như nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Mạnh N không có văn bản phản hồi cho Tòa án về yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Kim A, cũng như không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là tuân thủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, Điều 126 và Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phan Thị Kim A đối với ông Nguyễn Mạnh N.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn bà Phan Thị Kim A, có Quốc tịch Việt Nam; địa chỉ cư trú tại phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng và bị đơn ông Nguyễn Mạnh N, có Quốc tịch Hoa Kỳ; địa chỉ cư trú tại Baltimore, MD 21228, USA, nên vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, theo quy định tại các Điều 37, Điều 40, Điều 469 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình. Các quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được áp dụng đối với yêu cầu xin ly hôn có yếu tố nước ngoài của nguyên đơn bà A và bị đơn ông N, theo quy định tại Điều 122 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng của Tòa án cho đương sự ở nước ngoài là bị đơn ông Nguyễn Mạnh N bằng đường ngoại giao theo pháp luật tương trợ tư pháp. Cụ thể, Tòa án đã ủy thác cho Cơ quan có thẩm quyền ở nước ngoài cấp tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án về yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà A đối với ông N và yêu cầu ông N gửi văn bản phản hồi cho Tòa án; đồng thời, thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; cũng như thông báo về thời gian, địa điểm mở phiên tòa, theo quy định tại Điều 474 và Điều 476 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Mạnh N không đến Tòa án để giải quyết theo thông báo của Tòa án và cũng không nộp cho Tòa án văn bản về ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà A; mặt khác, cho đến ngày mở phiên tòa lần thứ nhất 30-01-2018 thì ông N không có mặt và Tòa án cũng chưa nhận được văn bản thông báo về kết quả tổng đạt của Cơ quan được ủy thác tư pháp nên Tòa án đã hoãn phiên tòa và Tòa án gửi văn bản đề nghị Bộ Tư pháp thông báo về việc thực hiện tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án cho ông N, theo quy định tại khoản 4 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 07-3-2018, Bộ Tư pháp đã có Văn bản số: 640/BTP-PLQT V/v kết quả ủy thác tư pháp; gửi kèm Văn bản ngày 21-12-2017 của

Công ty ABC Legal Services, Hoa Kỳ, theo đó văn bản tố tụng của Tòa án đã được tổng đạt cho ông N vào ngày 20-12-2017 tại địa chỉ 2629 W Mosher St, Batlimore, MD 21216, USA. Như vậy, ông N đã biết việc Tòa án triệu tập tham gia tố tụng tại phiên tòa vào lúc 08 giờ ngày 30-01-2018 và mở lại phiên tòa vào lúc 08 giờ ngày 02-3-2018, nhưng đều không có mặt, nên Tòa án mở lại phiên tòa vào lúc 07 giờ 30 phút ngày 13-4-2018 để xét xử vắng mặt ông N, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn ông Nguyễn Mạnh N của bà Phan Thị Kim A thì thấy, sau khi trở về Hoa Kỳ thì tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt do cách trở về địa lý, mỗi người sống một nơi, việc quan tâm chăm sóc lẫn nhau không thể thực hiện được; mặt khác, ông N hứa hẹn bảo lãnh cho bà A qua Hoa Kỳ để vợ chồng đoàn tụ nhưng ông không thực hiện và từ năm 2010 cho đến nay ông N đã chủ động cắt đứt mọi liên lạc với bà A, do đó hôn nhân của ông, bà là đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin ly hôn ông N của bà A là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên cần được chấp nhận.

[5] Về con chung; tài sản chung; nợ chung: Bà Phan Thị Kim A xác định vợ chồng ông, bà không có con chung; không có tài sản chung; không có nợ chung, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình nguyên đơn bà Phan Thị Kim A phải chịu, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[7] Chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài bà Phan Thị Kim A phải chịu, theo quy định tại Điều 153 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 122, Điều 123, Điều 127 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 37, Điều 40, Điều 147, Điều 153, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều

232, Điều 469 và điểm a khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phan Thị Kim A đối với ông Nguyễn Mạnh N.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị Kim A được ly hôn với ông Nguyễn Mạnh N.

2. Về án phí: Bà Phan Thị Kim A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 001010 ngày 02 tháng 3 năm 2017, của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

3. Về phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Bà Phan Thị Kim A phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) theo biên lai số 001161 ngày 16 tháng 8 năm 2017, của Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng; bà A đã nộp đủ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

4. Về chi phí dịch thuật: Bà Phan Thị Kim A phải chịu 890.000 đồng (Tám trăm chín mươi ngàn đồng), bà A đã nộp tiền và đã chi thanh toán cho Phòng Tư pháp quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, theo Hóa đơn bán hàng số 0073333 ngày 23-8-2017; Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0043963 ngày 23-8-2017; Hóa đơn bán hàng số 0059293 ngày 23-3-2018; Biên lai thu tiền phí, lệ phí số 0025627 ngày 23-3-2018 của Phòng Tư pháp quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

5. Về chi phí thực tế thực hiện ủy thác tư pháp thanh toán cho cơ quan được ủy thác tư pháp: Bà Phan Thị Kim A phải chịu 2.161.725 đồng (Hai triệu, một trăm sáu mươi một ngàn, bảy trăm hai mươi lăm đồng), bà A đã nộp tiền và đã chi thanh toán cho Công ty ABC Legal Services, Hoa Kỳ, theo Chứng từ ngày 22-8-2017 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh thành phố Đà Nẵng.

6. Nguyên đơn bà Phan Thị Kim A có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn ông Nguyễn Mạnh N không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Cục thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng;
- Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Hà Nam

